

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN SÌN HỒ

TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày 07 tháng 02 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tần A Sênh và Ông Lê Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hò Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo: **Lò Văn V**; 36 tuổi; nơi sinh: huyện SH, tỉnh LC; Nơi cư trú: bản P Ng, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: T; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn H và bà Lò Thị P; có vợ là Lò Thị S và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 10 tháng 7 năm 2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh LC xử phạt 03 tháng 22 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 04 tháng 7 năm 2017; bị tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2017 đến nay; có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lò Văn E; sinh năm: 1986; Nơi cư trú: bản P N, xã N H, huyện S H, tỉnh LC; vắng mặt.

Tòng Thị X; sinh năm: 1994; Nơi cư trú: bản P Ng, xã N H, huyện S H, tỉnh LC; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2017 bị cáo Lò Văn V mượn xe máy (mô tô) biển kiểm soát 25S1-025.51 của em trai là Lò Văn E (có vợ là Tòng Thị X) trú cùng bản để đến thị trấn SH, huyện S H chơi. Trên đường đi đến khu vực ngã ba đường thuộc bản L L Đ, xã T N, huyện S H thì V gặp một người phụ nữ dân tộc M, khoảng 40 tuổi, V hỏi người phụ nữ là có ngô bán không, người phụ nữ nói không có ngô bán và hỏi lại V có mua Hêrôin (Heroine) không, V trả lời là có mua nhưng hiện tại không có tiền. Người phụ nữ nói tên là X, nhưng không nói địa chỉ ở đâu. V hẹn người phụ nữ đúng 12 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2017 X mang Hêrôin đến ngã ba đường thuộc bản L L Đ, xã T N bán cho V, V mua với số tiền là 5.000.000 đồng, người phụ nữ đồng ý. Sau khi nói chuyện, V đi lên thị trấn SH. Khoảng 10 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2017 V đến nhà E mượn xe máy của hai vợ chồng E đi đến ngã ba đường Lao Lử Đề để mua Hêrôin. Khoảng 12 giờ cùng ngày, V đến ngã ba đường thuộc bản L L Đ, xã T N thì thấy X đã chờ ở đó. V gặp và mua được của X 01 gói Hêrôin với giá 5.000.000 đồng, V cất giấu Hêrôin vào túi quần bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Vào hồi 12 giờ 40 phút cùng ngày, trên đường về đến khu vực bản P, xã N T, huyện SH V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SH, tỉnh LC phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của Lò Văn V 10,73 gam Hêrôin.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng và trích mẫu giám định của Công an huyện SH, tỉnh LC vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 9 năm 2017 xác định: gói chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn V (đã bỏ bao bì bên ngoài) có trọng lượng là 10,73 gam, trích 0,53 gam làm mẫu vật gửi đi giám

định, vật chứng còn lại có trọng lượng là 10,2 gam. Tại bản kết luận giám định số: 294/GĐMT, ngày 23 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LC kết luận: mẫu vật thu giữ của Lò Văn V có trọng lượng là 10,73 gam, là Heroine.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện SH, tỉnh LC đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh LC để xét xử bị can Lò Văn V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện SH tỉnh LC đã truy tố; không oan, không sai.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố, bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù; xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đối với vật chứng là 0,53 gam Hêrôin đã gửi đi giám định, sau khi giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LC không hoàn lại; Đối với 10,2 gam Hêrôin là vật chứng còn lại trong vụ án, là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiêu hủy; Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh – đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy phép lái xe số 120141005062 mang tên Lò Văn V; 01 ví giả da màu đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy chứng minh nhân dân số 045058968 mang tên Lò Văn V. Xét thấy những vật này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không phải vật chứng trong vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại những vật trên cho bị cáo Lò Văn V; Đối với 01 chiếc xe máy (mô tô) nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX màu trắng, đen, biển kiểm soát 25S1-025.51 (xe cũ) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003781 mang tên Lò Văn E là tài sản thuộc quyền sở hữu của Lò Văn E và Tòng Thị X, khi bị cáo mượn xe của E và X để đi lên thị trấn SH, huyện SH, sau đó nảy sinh ý định

mua Hêrôin và đã thực hiện hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy. Do E, X không biết bị cáo mượn xe, không biết bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy. Đề nghị áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô trên cho Lò Văn E và Tòng Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện SH, tỉnh LC. Lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện SH, tỉnh LC lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc vào hồi 12 giờ 40 phút ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại khu vực bản P, xã N T, huyện SH, tỉnh LC, bị cáo Lò Văn V đã có hành vi tàng trữ trái phép 10,73 gam Hêrôin với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, những chứng cứ buộc tội; yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của bị cáo, nên được chấp nhận.

Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm phạm chính sách quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tội phạm về ma túy gia tăng, gián tiếp làm gia tăng các loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện SH, tỉnh LC; là một trong những nguyên nhân hủy hoại hạnh phúc của nhiều gia đình, hủy hoại sức khỏe, suy kiệt về kinh tế của người sử dụng và gia đình, tạo nhiều gánh nặng cho xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, vì đua đòi, ham thích cảm giác sung sướng nhất thời từ việc sử dụng chất ma túy mang lại mà cố ý thực hiện hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy để bản thân sử dụng.

Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 (Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội) thì: Kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được công bố, tiếp tục thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14. Nên các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo bị xử phạt tù từ 07 đến 15 năm; Theo quy định khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hình phạt đối với bị cáo là từ 5 đến 10 năm là nhẹ hơn so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định này.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, hiểu biết pháp luật của bị cáo có phần hạn chế. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật của Nhà nước, đồng thời giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản. Bị cáo không lao động trong các ngành, nghề hoặc công việc cần phải cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc cấm hành nghề. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 10,2 gam Hêrôin là vật chứng còn lại trong vụ án, là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiêu hủy.

Đối với 0,53 gam Hêrôin đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SH, tỉnh LC gửi đi giám định, sau khi giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LC không hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh – đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy phép lái xe số 120141005062 mang tên Lò Văn Vui;

01 ví giả da màu đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy chứng minh nhân dân số 045058968 mang tên Lò Văn V. Xét thấy những vật này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không phải vật chứng trong vụ án, cần áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại những vật trên cho bị cáo Lò Văn V.

Đối với 01 chiếc xe máy (mô tô) nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX màu trắng, đen, biển kiểm soát 25S1-025.51 (xe cũ) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003781 mang tên Lò Văn E là tài sản thuộc quyền sở hữu của Lò Văn E và Tòng Thị X khi bị cáo mượn xe của E và X để đi lên thị trấn SH, huyện SH, sau đó nảy sinh ý định mua Hêrôin và đã thực hiện hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy. Do E, X không biết bị cáo mượn xe, không biết bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy. Cần áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô trên cho Lò Văn E và Tòng Thị X.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[9] Về nguồn gốc Hêrôin thu giữ của bị cáo và trách nhiệm của người có liên quan:

Theo lời khai của bị cáo, số Hêrôin bị cáo tàng trữ là do mua của người phụ nữ dân tộc M, tên X, khoảng 40 tuổi. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện SH, tỉnh LC đã tiến hành xác minh tại bản L L Đ, xã T N không có người phụ nữ nào tên X, có đặc điểm như bị cáo khai nhận, nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Đối với vợ chồng Lò Văn E và Tòng Thị X. Quá trình điều tra xác định, khi Lò Văn V đến nhà E, X mượn xe máy thì E, X đều không có ở nhà, do là anh trai của E nên Lò Văn V đã tự ý mượn xe máy để đi mua Hêrôin. Vì vậy E, X không có hành vi phạm tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, khoản 3 Điều 7, Điều 38, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội

Tuyên bố: bị cáo Lò Văn V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 04 tháng 7 năm 2017).

Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiêu hủy 10,2 gam Hêrôin.

Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả lại cho bị cáo Lò Văn V những vật gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh – đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy phép lái xe số 120141005062 mang tên Lò Văn V; 01 ví giả da màu đen (cũ, đã qua sử dụng); 01 giấy chứng minh nhân dân số 045058968 mang tên Lò Văn V.

Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho Lò Văn E và Tòng Thị X 01 chiếc xe máy (mô tô) nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX màu trắng, đen, biển kiểm soát 25S1-025.51 (xe cũ) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003781 mang tên Lò Văn E.

Án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 02 năm 2018); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn E, Tòng Thị X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- Sở Tư pháp tỉnh LC;
- VKSND huyện SH;
- Công an huyện SH;
- CC THADS huyện SH;
- UBND xã NH;
- Bị cáo;
- Người có ql, nvlq;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hằng Hải